TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 371/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2026.
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Vĩnh Lộc

2. Ông Võ Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Quyết Thắng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1508/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 119/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tâm C, sinh năm 1997; CCCD số 060197001917 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 19/4/2021; Địa chỉ: Số I, thôn N, xã P, tỉnh Lâm Đồng. *(có mặt)*

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1995, CCCD số: 051095010801 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 11/01/2022; Địa chỉ: Số F T, ấp B, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/8/2025 và bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tâm C trình bày: Bà và ông Phan Văn T tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53 cấp ngày 24/10/2024. Trong thời gian kết hôn chung sống với nhau, vợ chồng bà nhận thấy không hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến ông T đánh

đập bà. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân hiện tại không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế bà C làm đơn xin ly hôn yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về nuôi con chung: Nguyên đơn xác định có 01 con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/9/2024 hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn xin ly hôn ngày 13/8/2025 bà C có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, nhưng tại đơn xác định thay đổi yêu cầu ngày 23/01/2026, bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ đơn xin ly hôn nộp ngày 13/8/2025, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là Tranh chấp Ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn có nơi cư trú tại xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Bà Nguyễn Thị Tâm C và ông Phan Văn T tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận (nay là Thôn N, xã P, tỉnh Lâm Đồng) theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53 cấp ngày 24/10/2024, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn xin ly hôn, Nguyên đơn cho rằng trong quá trình sống chung cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi vã, ông T đánh đạp bà nên không thể tiếp tục sống chung được nữa. Mặc dù bà đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Tòa án nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, thể hiện bị đơn không mong muốn đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do vậy, Tòa án không có cơ sở để hòa giải đoàn tụ theo quy định. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tâm C và ông Phan Văn T là có xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu về việc ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Về nuôi con chung: Căn cứ lời trình bày của bà Nguyễn Thị Tâm C và căn cứ vào tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Tâm C và ông Phan Văn T có 01 con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/9/2024. Tại đơn xin ly hôn và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi trẻ là Phan Ngọc Như Ý. Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Như Ý sinh năm 2024 là còn nhỏ và đang sống chung với bà C. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi con chung mặc dù được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do vậy để ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử xét thấy tiếp tục giao trẻ Như Ý cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, tại đơn xin ly hôn ngày 13/8/2025 bà C có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/tháng. Tại phiên tòa, nguyên đơn đề nghị thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà xin rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và nằm trong phạm vị khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

Về chia tài sản chung, nguyên đơn xác định không có và về nghĩa vụ dân sự chung, nguyên đơn xác định không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, nếu có tranh chấp về nuôi con chung, chia tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[3] Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật phí, lệ phí tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015, nghĩ nên buộc nguyên đơn phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025); các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí, lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tâm C.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Tâm C và ông Phan Văn T.

(Quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Tâm C và ông Phan Văn T được xác lập theo giấy chứng nhận kết hôn số: 53 cấp ngày 24/10/2024 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận cấp).

2. Về nuôi con chung: Giao 01 (Một) con chung tên Phan Ngọc Như Ý, sinh ngày 10/9/2024 cho bà Nguyễn Thị Tâm C trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về chia tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Nguyên đơn xác định không có.

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng buộc bà Nguyễn Thị Tâm C phải nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0041275 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà C đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt tại phiên toà thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND xã Phan Rí Cửa, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

TAND KHU VỰC 8

TM2220426.TL.QDBA 3836

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thơ